TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HS-ST
Ngày 20-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG Q XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Công Tài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tuyên và bà Hồ Thị Thu Uyển

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thuý Nga, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hanh - Kiểm Sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2023/HSST ngày 03 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn T, sinh năm 1986, tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Bon B N'D, xã Đắk N'D, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn Th, sinh năm: 1956 (đã chết), con bà Lê Thị Kim H sinh năm 1958; có vợ là Trần T, sinh năm: 1986 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 08-9-2022, bị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – Có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Q sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964; cùng địa chỉ: Bon B B, xã Đắk N'D, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – đều có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Uỷ ban nhân dân xã Đắk N'D

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Đức A – Chức vụ: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã Đắk N'D; địa chỉ: Uỷ ban nhân dân xã Đắk N'D, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phan Ngọc TT, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1988; cùng địa chỉ: Bon B B, xã Đắk N'D, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – đều vắng mặt.

Ông Điểu Khánh Rin, sinh năm 1970; địa chỉ: Bon N'J L, xã Đắk N'D, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Võ Đông S, sinh năm 1985 và bà Phan Thị Hồng Ng, sinh năm 1987; cùng địa chỉ: Tổ đân phố , thị trấn Đức A, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà H'D, sinh năm: 1957; địa chỉ: Bon B N'D, xã Đắk N'D, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15-10-1995, gia đình ông Y Ng được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đắk N, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là GCNQSDĐ) số 0472483, đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ 01, diện tích 8.140m^2, tại thôn 6, xã Đắk R, huyện Đắk N, tỉnh Đắk Lắk (nay là bon B B, xã Đắk N'D, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông). Năm 1998, ông Y Ng và vợ là bà H'D chuyển nhượng cho ông Nguyễn Q diện tích đất (12.5 x 80)m = 1000m^2 và chuyển nhượng cho một số hộ dân khác một số diện tích đất khác nhau, trong tổng số 8.140m^2. Năm 2000, gia đình ông Phan Ngọc T cũng nhận chuyển nhượng lại diện tích (25×70)m = 1.750m^2 của ông Y Ng, giáp ranh với diện tích đất của ông Q. Sau đó gia đình ông Hòa và gia đình ông TT xây dựng nhà ở trên các diện tích đất này. Ngày 18-07-2013, UBND huyện Đắk Song thu hồi diện tích 2.928,0m^2 thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ 01, của ông Y Ng (do đã chuyển nhượng trước đó), nên cấp GCNQSDĐ mới cho ông Nguyễn Thế Sao (thành thửa đất số 130, tờ bản đồ số 01) và ông Trương Đức Hợi (thành thửa đất số 129, tờ bản đồ số 01). Diện tích đất nông nghiệp 5.212,0m^2 còn lại của thửa đất số 58, tờ bản đồ 01 vẫn đứng tên chủ sở hữu là ông Y Ng, mặc dù ông Y Ng đã chuyển nhượng cho người khác (trong đó có diện tích đất ông Hòa và ông TT đang sử dụng), đến ngày 16-8-2016 ông Y Ng chết. Ngày 09-8-2017, UBND huyện Đắk Song ban hành Quyết định số: 1134/QĐ-UBND điều động ông Nguyễn Tấn T, công chức Tư pháp Hộ tịch xã Nâm N'J đến nhận công tác tại UBND xã Đắk N'D, phụ trách lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch, kể từ ngày 15-8-2017. Biết được T về nhận công tác tại xã Đắk N'D nên tháng 9 năm 2018, ông Phan Ngọc T đã đến UBND xã Đắk N'D nhờ T làm thủ tục tách thửa diện tích (25×70)m đã nhận chuyển nhượng trước đó của ông Y Ng, đồng thời ông T đã mượn GCNQSDĐ gốc của thửa đất số 58, tờ bản đồ 01 đứng tên ông Y Ng đưa cho TT để nhờ làm các thủ tục cần thiết. Sau khi nhận lời, T hướng dẫn ông TT chuẩn bị các thủ tục và giấy tờ cần thiết để cung cấp cho T làm hồ sơ đăng ký tách thửa, trong đó có giấy tờ tùy thân và chữ ký của ông Y Ng trong hợp đồng CNQSDĐ. Ông TT trực tiếp đến nhà ông Y Ng để xin phô tô các giấy tờ tùy thân và nhờ ông Y Ng ký tách thửa thì biết ông Y Ng đã chết, sau đó ông

TT cung cấp cho T 02 chứng minh nhân dân của ông TT và vợ là Nguyễn Thị A, đồng thời nói dối T là ông Y Ng bị bệnh nặng không thể đến trụ sở UBND xã để ký hoặc làm các thủ tục, giấy tờ được nhưng T vẫn đồng ý làm các thủ tục đăng ký tách thửa cho gia đình ông TT. T thấy thủ tục tách thửa rắc rối nên nói cho ông TT biết việc tách thửa rất khó khăn, phức tạp và tốn nhiều thời gian, nếu thực hiện chuyển nhượng toàn bộ diện tích 5.212,0m^2 của thừa đất số 58, tờ bản đồ 01 của ông Y Ng sang hộ gia đình ông TT đứng tên chủ sở hữu sau đó tách thửa cho các hộ gia đình khác thì sẽ thuận tiện hơn thì ông TT đồng ý. Nguyễn Tấn T đã tự soạn 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Y Ng - bên chuyển nhượng (bên A) với Phan Ngọc TT, Nguyễn Thị A bên nhận chuyển nhượng (bên B), ghi ngày 07-9-2018. Tại mục thông tin của bên chuyển nhượng, T tự nhập một số chứng minh nhân dân ngẫu nhiên là "245.236.215", T tự lăn tay của mình vào mục "Bên A", tự ký tên "Y Ng", tiếp đó tự lăn tay của mình vào các trang trong hợp đồng. Bên nhận chuyển nhượng, T cũng tự ký tên Phan Ngọc TT, Nguyễn Thị A và ký vào các trang trong hợp đồng rồi mang tới trình cho ông Điểu Khánh Rin là Chủ tịch UBND xã Đắk N'D để ký chứng thực. Khi tiếp nhận hồ sơ trình ký từ T, ông Điểu Khánh Rin không kiểm tra lại thông tin và người có tên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định về việc chứng thực hợp đồng, quy định tại Nghị định số: 23/2015/NĐ-CP ngày 16-02-2015 của Chính phủ mà tin tưởng, nghĩ T đã kiểm tra nên ông Điểu Khánh Rin đã ký xác nhận vào mục người thực hiện chứng thực, rồi chuyển lại cho T để ban hành. T cầm hợp đồng, tự lấy số chứng thực ngẫu nhiên là 160 và ghi số quyển số: 01/2018 TP/CC/SCT/HĐGD, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại bộ phận tiếp nhận, xử lý, trả kết quả của UBND huyện Đắk S để thực hiện các thủ tục tiếp theo mà không lưu hồ sơ, giấy tờ, thủ tục và hợp đồng tại UBND xã Đắk N'D.

Ngày 26-9-2018, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk N đã cấp mới GCNQSDĐ số CO 969715 đối với thửa đất số 58, tờ bản đồ 01 diện tích 5.212m^2 cho ông Phan Ngọc TT, bà Nguyễn Thị A. Cũng thời điểm này, ông TT có nhu cầu chuyển đổi 100m^2 đất nông nghiệp thành đất ở nông thôn nên đã đưa cho T tổng số tiền 23.000.000 đồng nhờ T đóng phí chuyển đổi thì T đồng ý. Sau khi Qn tất các thủ tục chuyển đổi đất, T mang GCNQSDĐ số CO 969715 về giao cho ông Phan Ngọc TT. Ông TT biết diện tích đất 5.212,0m^2 đã cấp cho gia đình không đúng với diện tích đất của mình nhưng vẫn không thực hiện việc tách thửa để trả lại mà mang đến thế chấp toàn bộ diện tích đất này để vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á – Chi nhánh Đắk Lắk vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Tháng 7-2019, ông Nguyễn Q đến UBND xã Đắk N'D để làm hồ sơ đăng ký xin cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất đã nhận chuyển nhượng của ông Y Ng thì phát hiện diện tích đất của gia đình ông đã được cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông Phan Ngọc TT và đã được thế chấp tại ngân hàng nên ông Hòa đã làm đơn tố cáo đến các cơ quan có thẩm quyền.

Tại bản Kết luận giám định số: 24/KL-KTHS ngày 30-01-2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Dấu vân tay in trên hợp đồng cần

giám định (ký hiệu A- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được chứng thực số 160 ngày 07/09/2018 có dấu vân tay màu đỏ ở cuối trang 01, trang 02 và dưới mục "Bên A") so với dấu vân tay in trên chỉ bản mẫu so sánh (ký hiệu M-chỉ bản, tờ khai chứng minh nhân dân số 245132603, lập ngày 31/03/2007 mang tên Y Ng (bản sao y)) không phải dấu vân tay của cùng một người in ra.

Tại bản Kết luận giám định số: 34/KL-KTHS ngày 09-02-2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Chữ viết mang tên Y Ng dưới mục: Bên A trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A- hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được chứng thực số 160 ngày 07/09/2018 có chữ viết mang tên Y Ng dưới mục: Bên A và chữ ký, chữ viết mang tên Phan Ngọc TT, Nguyễn Thị A dưới mục bên B) so với chữ viết của ông Y Ng trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2- giấy ghi ngày 27/01/1998 thể hiện nội dung trả đủ 500 ngàn, có chữ ký, chữ viết của ông Y Ng dưới dòng chữ "chủ đất sang nhượng Ma k) không phải do cùng một người viết ra.

Chữ ký, chữ viết mang tên Phan Ngọc TT dưới mục: Bên B trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A - hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được chứng thực số 160 ngày 07/09/2018 có chữ viết mang tên Y Ng dưới mục: Bên A và chữ ký, chữ viết mang tên Phan Ngọc TT, Nguyễn Thị A dưới mục bên B) so với chữ ký, chữ viết của Phan Ngọc TT trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M3 đến M6 – đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất ghi ngày 07/9/2018 có chữ ký của Phan Ngọc TT dưới mục: người viết đơn (ký hiệu M2); bản tự khai/bản tường trình của Phan Ngọc TT ghi ngày 04/01/2023 (tờ 01)(ký hiệu M4.1); bản tự khai/bản tường trình của Phan Ngọc TT ghi ngày 04/01/2023 (tờ 02) (ký hiệu M4.2); biên bản ghi lời khai của Phan Ngọc TT ghi ngày 04/01/2023 (ký hiệu M5); giấy cam kết tách sổ đỏ (giấy quyền sử dụng đất) ghi ngày 28/9/2020 có chữ ký, chữ viết của Phan Ngọc TT, Nguyễn Thị A dưới mục: người lập giấy (ký hiệu M6)) không phải do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị A dưới mục Bên B trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A- hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được chứng thực số 160 ngày 07/09/2018 có chữ viết mang tên Y Ng dưới mục: Bên A và chữ ký, chữ viết mang tên Phan Ngọc TT, Nguyễn Thị A dưới mục bên B) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị An trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M6, M7 - giấy cam kết tách sổ đỏ (giấy quyền sử dụng đất) ghi ngày 28/9/2020 có chữ ký, chữ viết của Phan Ngọc TT, Nguyễn Thị A dưới mục: người lập giấy (ký hiệu M6); biên bản ghi lời khai của Nguyễn Thị A ghi ngày 20/12/2022 (ký hiệu M7)) không phải do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký mang tên Phan Ngọc TT dưới mục: Bên B trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A-hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được chứng thực số 160 ngày 07/09/2018 có chữ viết mang tên Y Ng dưới mục: Bên A và chữ ký, chữ viết mang tên Phan Ngọc TT, Nguyễn Thị A dưới mục bên B) so với chữ ký của Nguyễn Tấn T trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M8 đến M11-giấy cam kết không ghi ngày, tháng, năm có chữ ký, chữ viết của Nguyễn Tấn T dưới mục: người viết cam kết (ký hiệu M8); bản tự khai/bản tường trình của Nguyễn Tấn T ghi ngày 02/12/2022 (tờ 01) (ký hiệu M9.1); bản tự khai, bản tường trình của Nguyễn Tấn T ghi ngày 02/12/2022 (tờ 02) (ký hiệu M9.2); biên bản ghi lời khai của Nguyễn Tấn T ghi ngày 15/12/2022 (ký hiệu M10); bản tự khai/ bản tường trình của Nguyễn Tấn T ghi tháng 01 năm 2022 (ký hiệu M11) do chữ ký khác dạng nên không tiến hành giám định.

Chữ viết mang tên Y Ng dưới mục: Bên A và chữ viết mang tên Phan Ngọc TT, Nguyễn Thị A dưới mục: Bên B trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A- hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được chứng thực số 160 ngày 07/09/2018 có chữ viết mang tên Y Ng dưới mục: Bên A và chữ ký, chữ viết mang tên Phan Ngọc TT, Nguyễn Thị A dưới mục bên B) so với chữ viết của Nguyễn Tấn T trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M8 đến M11 - giấy cam kết không ghi ngày, tháng, năm có chữ ký, chữ viết của Nguyễn Tấn T dưới mục: người viết cam kết (ký hiệu M8); bản tự khai/bản tường trình của Nguyễn Tấn T ghi ngày 02/12/2022 (tờ 01) (ký hiệu M9.1); bản tự khai/bản tường trình của Nguyễn Tấn T ghi ngày 02/12/2022 (tờ 02) (ký hiệu M9.2); biên bản ghi lời khai của Nguyễn Tấn T ghi ngày 15/12/2022 (ký hiệu M10); bản tự khai/ bản tường trình của Nguyễn Tấn T ghi tháng 01 năm 2022 (ký hiệu M11) là do cùng một người viết ra.

Tại bản kết luận giám định số: 94/KL-KTHS ngày 27-03-2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Dấu vân tay màu đỏ dưới mục "Bên A" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A-hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được chứng thực số 160 ngày 07/09/2018, có dấu vân tay màu đỏ đề tên Y Ng dưới mục Bên A) so với dấu vân tay của Nguyễn Tấn T trên mẫu tài liệu so sánh (ký hiệu M-01 bản sao chỉ bản của Nguyễn Tấn T lập ngày 30.3.07 tại Đắk Song) là dấu vân tay của cùng một người in ra.

Tại bản cáo trạng số 69/Ctr-VKS-ĐS ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Tấn T về tội *"Giả mạo trong công tác"* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 359 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk

Song, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo về tội *"Giả mạo trong công tác"* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 359 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan. Tại phiên toà bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà bị hại và đại diện nguyên đơn dân sự không có ý kiến, yêu cầu gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Kết quả tranh luận tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi xem xét các chứng cứ buộc tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T về tội *"Giả mạo trong công tác"*. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 359, điểm b điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T từ 08 tháng đến 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại và bị hại có đơn yêu cầu miễn trách nhiệm hình sự dối với bị cáo và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó đề nghị chấp nhận thoả thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo với ông Nguyễn Q, bà Trần Thị M với số tiền là 60.000.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 bản gốc GCNQSDĐ số 0472483 mang tên Y Ng, do UBND huyện Đắk N (cũ) cấp ngày 12/8/1995 và 01 bản gốc hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được chứng thực ngày 07/9/2018, chứng thực 160 quyển số 01/2018.TP.CC/SCT/HĐGD giữa bên chuyển nhượng ông Y Ng với bên nhận chuyển nhượng là ông Phan Ngọc TT, bà Nguyễn Thị An, cần lưu vào hồ sơ vụ án.

Đối với GCNQSDĐ số CO 969715 mang tên Phan Ngọc TT và Nguyễn Thị A, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 26/9/2018, ngày 09/12/2022 UBND huyện Đắk S đã ban hành Quyết định số 1695/QĐ-UBND thu hồi giấy GCNQSDĐ nói trên, đồng thời tách thửa cấp mới GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Q, do đó không xem xét xử lý vật chứng nói trên.

Tại phiên toà bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Đắk Song, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, Kiểm sát viên trong

quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, xác định vào Ngày 07-9-2018, mặc dù biết ông Phan Ngọc TT, bà Nguyễn Thị A không đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất 5.212.0m^2, thuộc thừa đất số 58, tờ bản đồ 01, tại bon B B, xã Đắk N'D, huyện Đắk S, tỉnh Đắk Nông, nhưng Nguyễn Tấn T đã làm sai lệch nội dung, giấy tờ, tài liệu, tự ý viết, ký và ghi số chứng minh nhân dân của người khác rồi tự điểm chỉ dấu vân tay của mình lên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Y Ng với ông Phan Ngọc TT, bà Nguyễn Thị A đối với diện tích đất 5.212,0m^2, thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ 01, trong khi ông Y Ng đã chết trước đó và diện tích đất 5.212,0m^2 đã được chuyển nhượng một phần diện tích cho nhiều người khác, trong đó có ông Nguyễn Q, rồi chuyển đến Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Đắk S cấp GCNQSDĐ diện tích 5.212,0m^2 cho ông Phan Ngọc TT, bà Nguyễn Thị A. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Giả mạo trong công tác"* theo điểm a khoản 1 Điều 359 của Bộ luật hình sự.

Tại điểm a khoản 1 Điều 359 của Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ, tài liệu;"

[3]. Xét hành vi của bị cáo gây ra là nghiêm trọng, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và điều khiển được hành vi của mình, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, gây nhiều dư luận xấu, bất bình trong nhân dân và ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, mặt khác bị cáo là người được giao phụ trách lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch của xã, hiểu biết về lĩnh vực này nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi trái pháp luật. Do vậy cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, hành vi của bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định thì mới đảm bảo mục đích của hình phạt.

[4]. *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về nhân thân năm 2018 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, đến ngày 08-9-2022, bị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, về tội "*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022/HSST, đang chấp hành hình phạt án treo. Hành vi phạm tội và bị

xét xử lần này là cũng năm 2018, như vậy là trước khi Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2022/HSST ngày 08-9-2022 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông có hiệu lực nên không thuộc trường hợp phạm tội trong thời gian thử thách của án treo.

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình sự, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Từ những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định, cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Từ những phân tích nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định thì mới đảm bảo mục đích của hình phạt.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 60.000.000đồng nhằm khắc phục hậu quả và bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết.

[7]. Việc xử lý vật chứng: Đối với 01 bản gốc GCNQSDĐ số 0472483 mang tên Y Ng, do UBND huyện Đắk Nông (cũ) cấp ngày 12/8/1995 và 01 bản gốc hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được chứng thực ngày 07/9/2018, chứng thực 160 quyển số 01/2018.TP.CC/SCT/HĐGD giữa bên chuyển nhượng ông Y Ng với bên nhận chuyển nhượng là Phan Ngọc TT, Nguyễn Thị A, cần lưu vào hồ sơ vụ án.

Đối với GCNQSDĐ số CO 969715 mang tên Phan Ngọc TT và Nguyễn Thị A, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 26/9/2018, ngày 09/12/2022 UBND huyện Đắk S đã ban hành Quyết định số 1695/QĐ-UBND thu hồi giấy GCNQSDĐ nói trên, đồng thời tách thửa cấp mới GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Q, do đó không xem xét xử lý vật chứng nói trên.

[8]. Trong vụ án này còn có hành vi của Phan Ngọc TT, Nguyễn Thi A để Nguyễn Tấn T làm thủ tục chuyển nhượng diện tích 5.212,0m^2 sang tên của ông TT, bà A. Tuy nhiên, những người này không tác động để T thực hiện hành vi phạm tội và không có thẩm quyền trong việc kiểm tra, chứng thực hợp đồng CNQSDĐ, do đó không đồng phạm với Nguyễn Tấn T. Tuy nhiên, hành vi sử dụng trái phép tài sản (là đất) của người khác để thế chấp vay vốn tại ngân hàng của Phan Ngọc TT đã phạm vào điểm đ, khoản 2, điều 15 Nghị định số: 144/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ, do đó ngày 13/3/2023, Công an huyện Đắk S đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính Phan Ngọc TT bằng hình thức phạt tiền.

Đối với hành vi nhận số tiền 23.000.000 đồng từ Phạn Ngọc TT của Nguyễn Tấn T, kết quả điều tra xác định T đã đóng các khoản tiền này đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để chuyển đổi 100m^2 mục đích sử dụng đất cho ông Phan Ngọc TT, bà Nguyễn Thị A, do đó không cấu thành hành vi nhận hối lộ.

Đối với ông Điểu Khánh Rin – Chủ tịch UBND xã Đắk N'D nhiệm kỳ 2015-2020, là người ký chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất do Nguyễn Tấn T trình. Sau khi xem hồ sơ CNQSDĐ, ông Điểu Khánh Rin tin tưởng T đã kiểm tra trung thực, đúng quy định nên đã ký chứng thực mà không biết T làm sai lệch nội dung tài liệu. Mặt khác, ông Điểu Khánh R không có động cơ vụ lợi trong vụ án này nên không xem xét xử lý.

Đối với ông Võ Đông S, nguyên giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk S và bà Phan Thị Hồng Ng, chuyên viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk S. Toà án có văn bản yêu cầu xác minh, làm rõ trách nhiện trong việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ, trình tự, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Y Ng sang cho ông Phan Ngọc TT, bà Nguyễn Thị A. Qua kết quả điều tra thì ông S, bà Ng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và không biết Nguyễn Tấn T đã thực hiện hành vi trái pháp luật của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên không có căn cứ xử lý.

Sau khi nhận thức được hành vi phạm tội của mình, Nguyễn Tấn T đã chủ động hỗ trợ số tiền 300.000.000 đồng rồi cùng ông Phan Ngọc TT, bà Nguyễn Thị A tất toán hồ sơ, rút GCNQSDĐ mang tên ông TT, bà An đã thế chấp tại Ngân hàng trước đó, mang về giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ Á – Chi nhánh Đắk Lắk không yêu cầu xử lý các nội dung liên quan đến việc vay vốn này nên không xem xét giải quyết.

[9]. Xét đề nghị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo và xử lý vật chứng là có căn cứ cần chấp nhận.

[10]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội *"Giả mạo trong công tác"*

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 359, điểm b điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 08 (*tám*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Lưu vào hồ sơ vụ án 01 bản gốc GCNQSDĐ số 0472483 mang tên Y Ng, do UBND huyện Đắk N (cũ) cấp ngày 12-8-1995 và 01 bản gốc hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được chứng thực ngày 07-9-2018, chứng thực 160 quyển số 01/2018.TP.CC/SCT/HĐGD giữa bên chuyển nhượng ông Y Ng với bên nhận chuyển nhượng là ông Phan Ngọc TT, bà Nguyễn Thị A.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Tài

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng lưu trữ hình sự Công an tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk S;
- Công an huyện Đắk Song;
- Bị cáo; bị hại;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.